FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Xây dựng (UPCOM: ING)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
SL cổ phiếu LH	20,809,702
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,716
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	250
P/E	-2.3
EPS	-5,315

	YTD	1T	3T	6T
ING	46.3%	-26.4%	46.3%	48.1%
VNINDEX	2.9%	-0.9%	4.8%	2.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

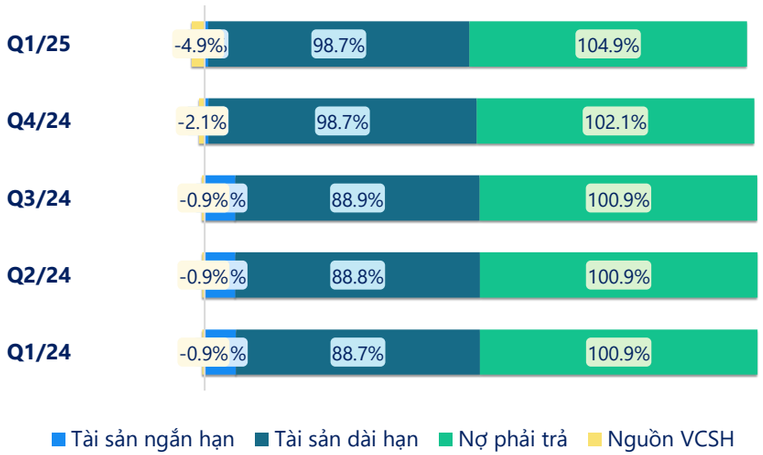

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

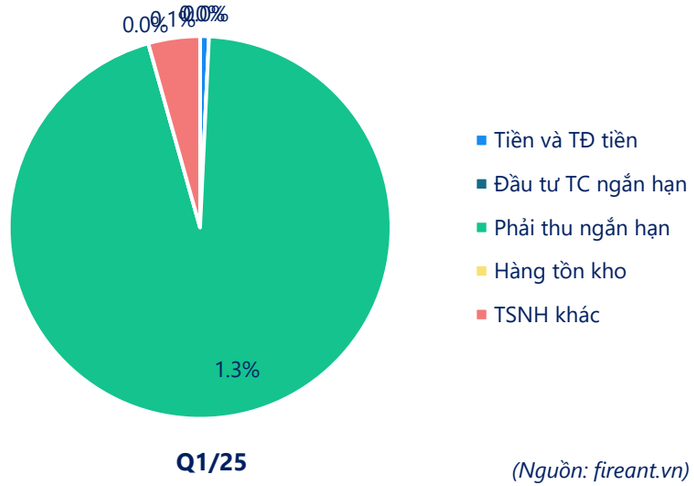

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

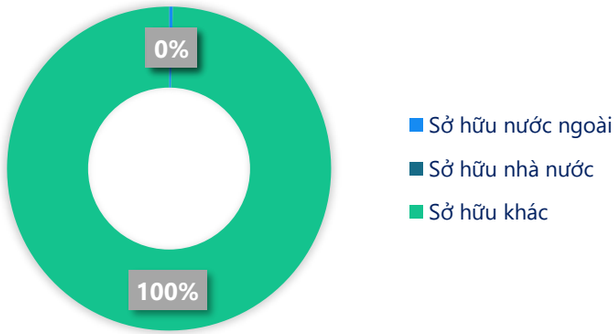

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

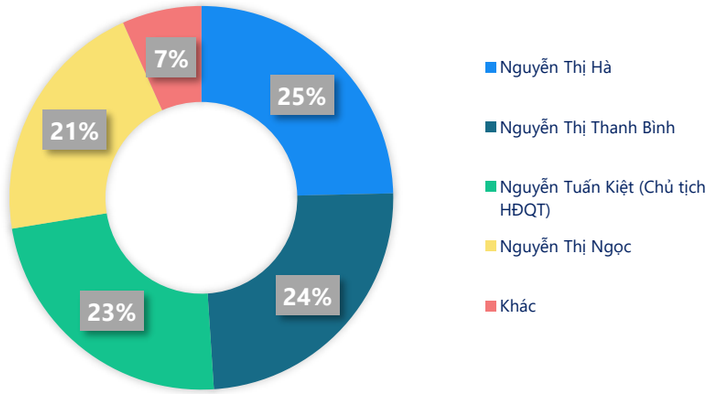

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

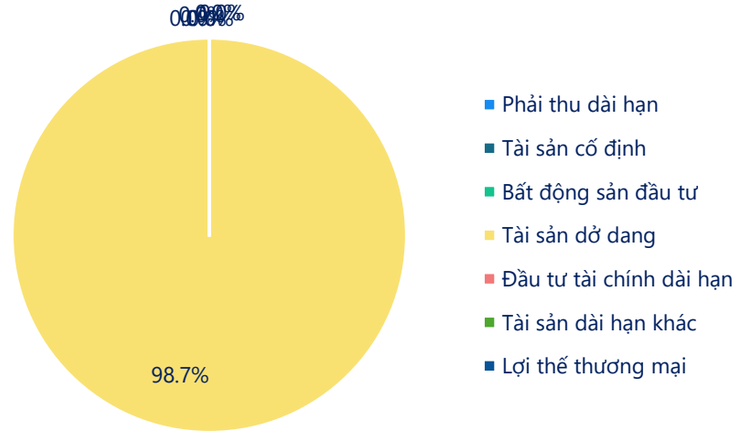

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Xây dựng (UPCOM: ING)

Tiền và tương đương tiền

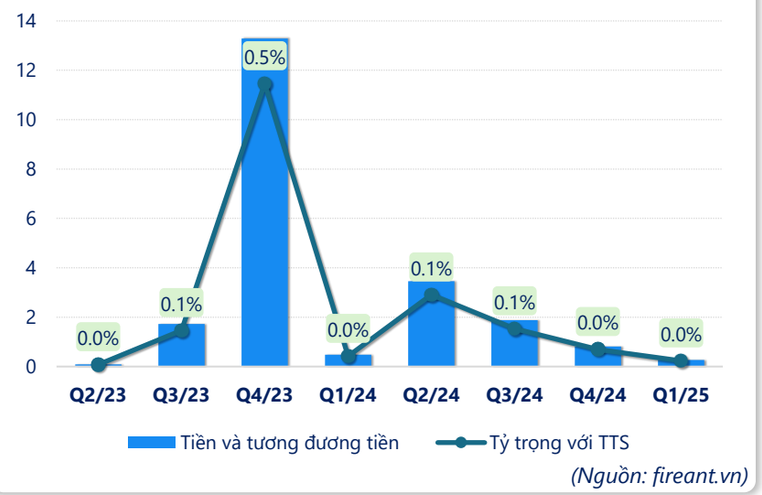

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

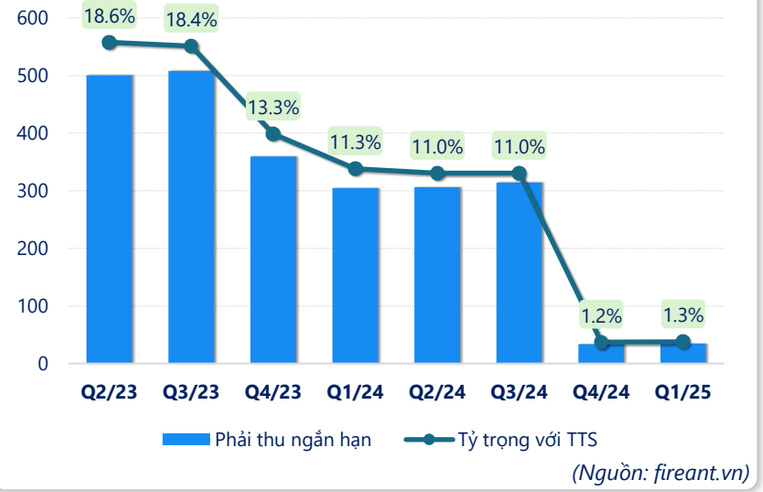

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

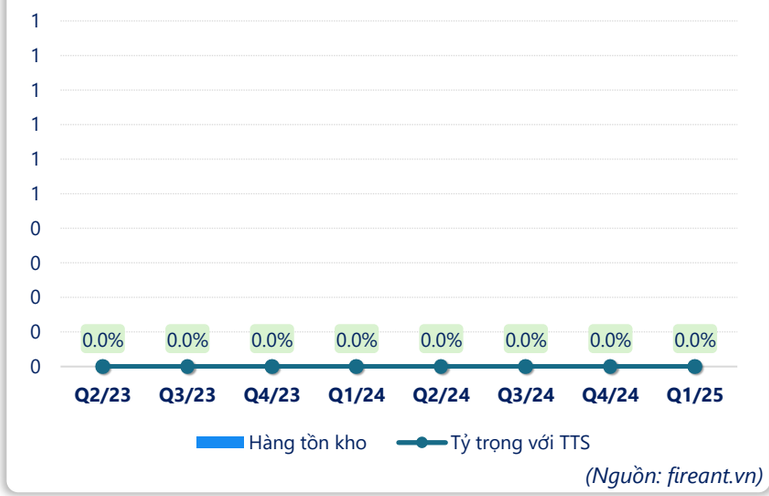

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

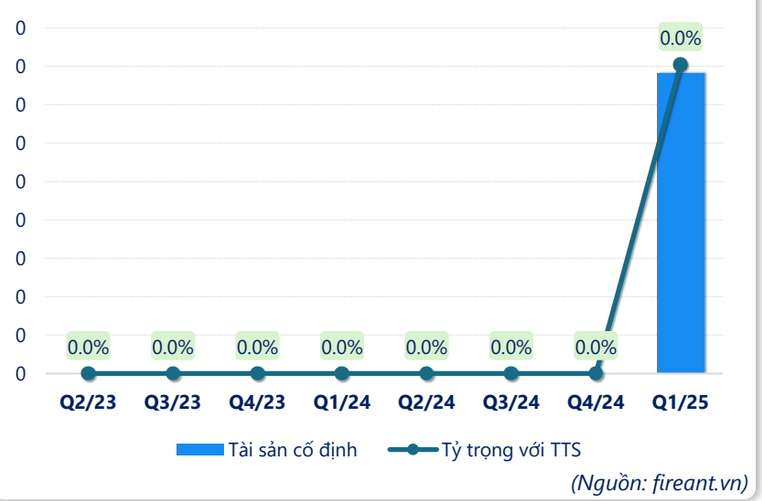

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

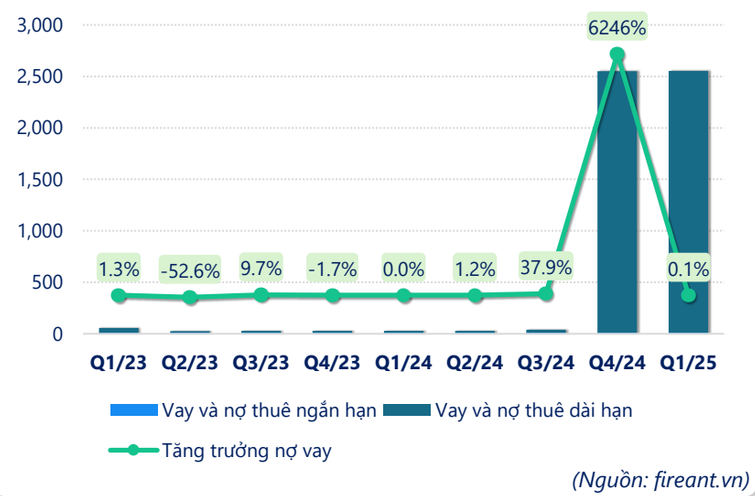

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

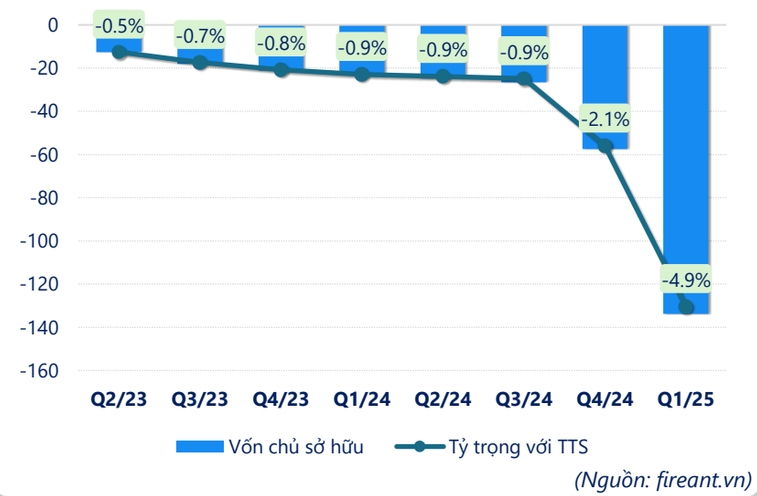

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Xây dựng (UPCOM: ING)

Kết quả kinh doanh

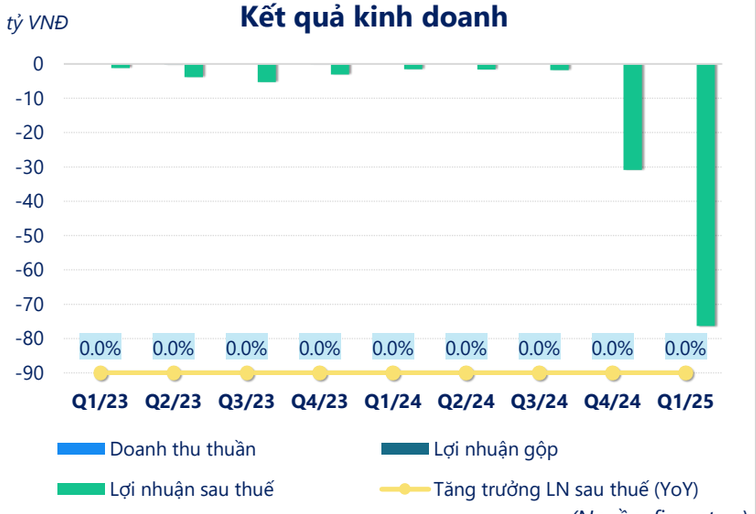

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

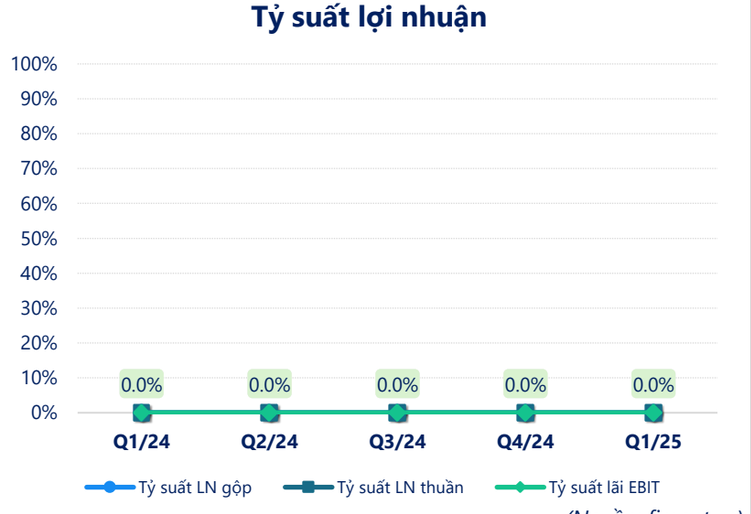

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

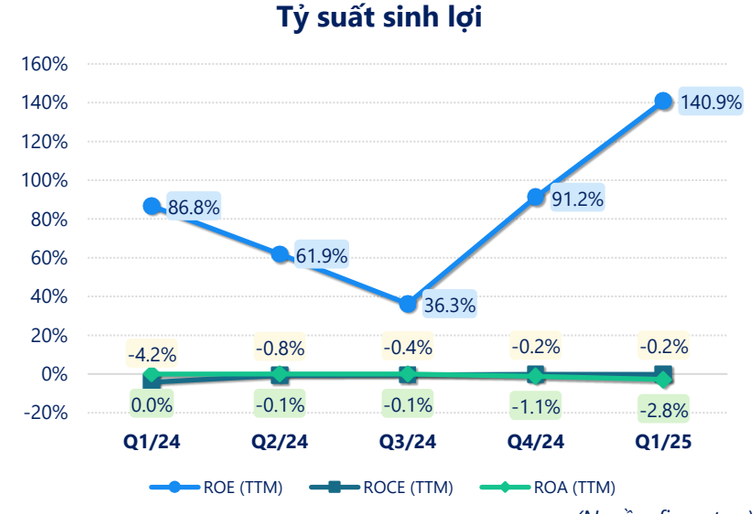

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

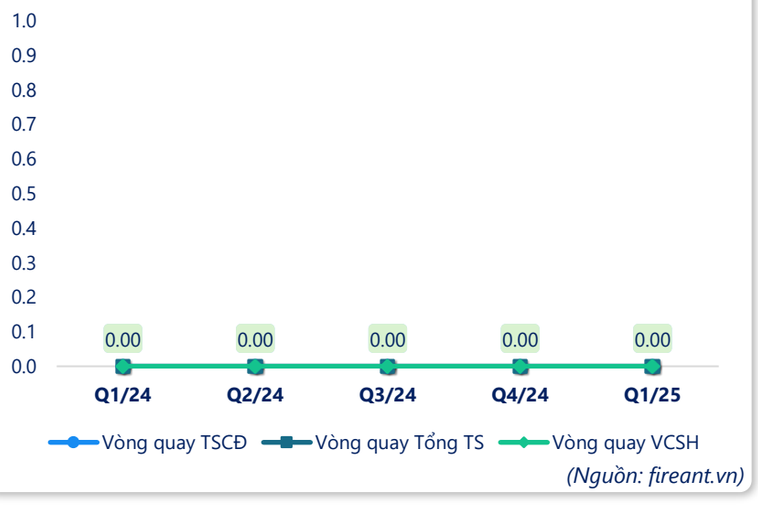

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

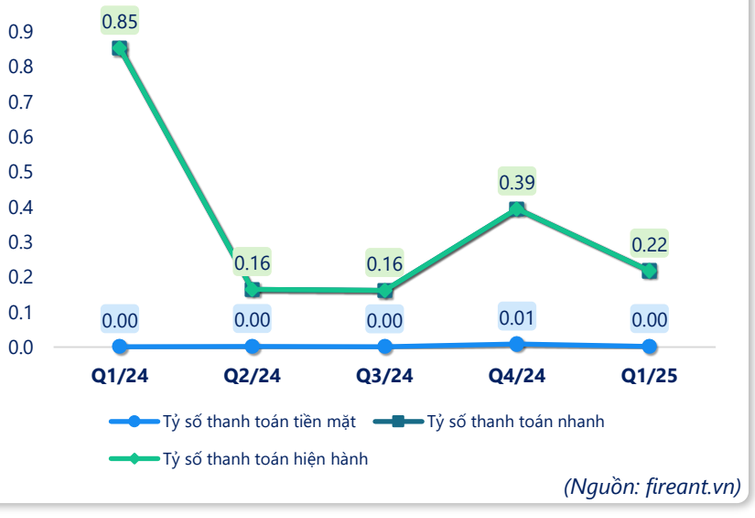

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

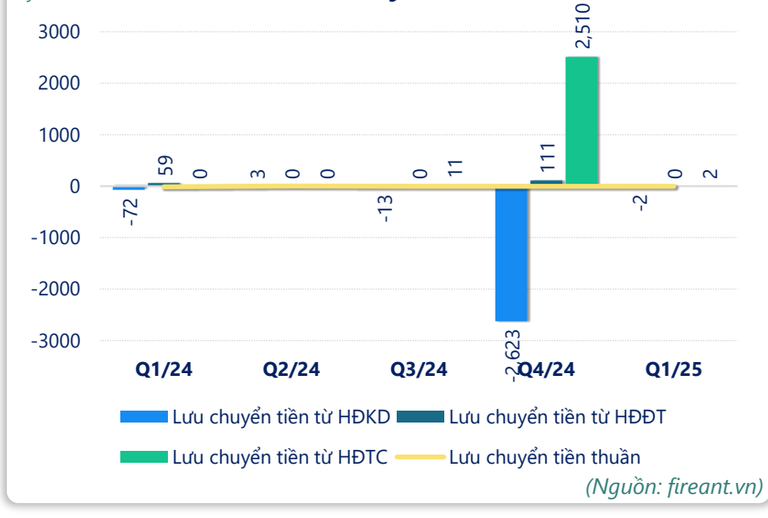

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư và Phát triển Xây dựng (UPCOM: ING)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,738**	**2,738**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	36.4	36.4	0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.27	0.81	-66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	34.6	34.0	1.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.59	1.58	0.8%
Tài sản dài hạn	**2,702**	**2,702**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.04	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,702	2,702	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,872	2,795	2.7%
Nợ ngắn hạn	**168**	**92.3**	**81.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.8	11.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.82	3.83	-0.2%
Nợ dài hạn	2,704	2,703	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,540	2,539	0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-134**	**-57.5**	**-133%**
Vốn chủ sở hữu	**-134**	**-57.5**	**-133%**
Vốn điều lệ	208	208	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	5.44	5.56	5.56	2.99	0.00
Chi phí TC	5.97	6.11	6.44	32.0	75.8
Chi phí lãi vay	0.55	0.57	0.89	29.0	75.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.85	1.04	0.96	1.61	0.52
LN thuần từ HĐKD	-1.38	-1.58	-1.83	-30.6	-76.3
Lợi nhuận khác	-0.19	-0.01	0.02	-0.31	0.00
LN trước thuế	-1.58	-1.60	-1.82	-30.9	-76.3
Lợi nhuận sau thuế	-1.58	-1.60	-1.82	-30.9	-76.3
LNST của CĐ cty mẹ	-1.58	-1.60	-1.82	-30.9	-76.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-71.5	2.63	-12.6	-2,623	-2.04
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	58.7	0.00	0.00	111	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.35	11.0	2,510	1.50
Tiền đầu kỳ	13.3	0.48	3.46	1.88	0.81
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.8**	**2.98**	**-1.58**	**-1.06**	**-0.54**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.48	3.46	1.88	0.81	0.27

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic